

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **455/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/11/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Bảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Bé

Ông Lê Văn Nghĩa

-Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Lực – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021; thông báo về việc tiếp tục đưa vụ án ra xét xử ngày 08/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Trần Thị Kim P**, sinh năm 1976 (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, Tiền Giang

Chỗ ở: 250 khu phố TH, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương

2/ Bị đơn: **Nguyễn Ngọc Minh T**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Kim P trình bày:

Chị và anh T cưới nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Sau cưới anh chị chung sống bên gia đình chồng khoảng 03 năm thì lên Tp Hồ Chí Minh tìm công việc làm ăn. Chị có học sư phạm nên xin dạy học ở trường tư nhân, anh T làm thợ may (may gia công cùng bạn). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do sau khi sinh con thứ 2 thì hết thời gian thai sản chị đi dạy lại, anh T đã nghỉ nghề may trước đó và đi làm bảo vệ nên anh T nghỉ làm ở nhà chăm sóc con. Thời gian này anh T có thời gian rảnh nên hay lên máy tính mà chị không biết làm gì, thời gian sau thì nói với chị là thiếu nợ do cờ bạc trên máy tính và lấy tài sản trong nhà đi cầm cố, tự bỏ đi về Vĩnh Hưng làm tiếp nghề may, chị một mình không thể quán xuyến được việc chăm sóc con cái nên khoảng 01 năm sau chị nghỉ dạy và về Bình Dương để làm nghề buôn bán, anh T có đi cùng chị để lo buôn bán. Anh T vẫn còn chơi cờ bạc, ban đầu nợ ít, sau đó nợ nhiều và tự anh T bỏ đi về quê, sau này anh T đã trả hết nợ, cũng thường xuyên điện thoại về nói chuyện với con, tết cũng không về nơi ở của mẹ con chị. Trước khi làm đơn ly hôn, thì chị có điện thoại nói chuyện với anh T về việc ly hôn, anh T có nói với chị là nếu không tha thứ và muốn ly hôn thì đồng ý nhưng sẽ không đến giải quyết.

Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, chị hết lòng tin vào anh T, cứ mắc nợ rồi làm để trả nợ nên anh cũng không có trách nhiệm với gia đình, tình cảm phai nhạt nên chị quyết định ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 31/7/2000 và Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh ngày 09/4/2011. Chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn Ngọc Minh T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Chị P.

Tại phiên tòa, Chị P có đơn xét xử vắng mặt và chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, nuôi con như đã trình bày. Anh T vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đối với đương sự: đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị căn cứ Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Chị P được ly hôn với anh T. Về con chung, giao cho Chị P tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1, anh T không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Kim P có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Ngọc Minh T được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị P, anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Kim P và anh Nguyễn Ngọc Minh T cưới nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/6/2004 tại UBND xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 quyền số 01, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo Chị P trình bày trong quá trình giải quyết vụ án thì vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường hay cờ bạc gây nợ và tự bỏ đi, không quan tâm chăm sóc vợ con, kéo dài nhiều năm mà vẫn không thay đổi. Hiện nay tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không thể hàn gắn cũng không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, Chị P xin ly hôn nhưng anh T không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của Chị P dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tại phiên tòa hôm nay anh T không đến Tòa án, điều này thể hiện anh T không có ý chí mong muốn tình cảm vợ chồng hàn gắn mà để mặc cho Chị P quyết định.

Xét, về tình nghĩa vợ chồng thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nhưng hiện giữa Chị P và anh T không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nay Chị P xin ly hôn với anh T là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 31/7/2000 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh ngày 09/4/2011. Chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến của Chị P thấy rằng cháu N1 đang sinh sống ổn định với chị kể từ ngày anh chị mâu thuẫn và sống ly thân nhau, cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Do đó để ổn định về mặt tâm sinh lý cũng như nơi sinh sống của con, theo nguyện vọng của con và thực tế hiện nay, Hội đồng xét xử nghĩ cần tiếp tục giao cháu N1 cho Chị P nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị P trình bày không có, anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim P được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Minh T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 31/7/2000 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh ngày 09/4/2011. Giao chị Ngoan được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1. Anh T có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị P không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Kim P chịu là 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai số 0004203 ngày 12/4/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xem như đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kim P, anh Nguyễn Ngọc Minh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Bảnh